

Số: /QĐ-UBND

Hà Tĩnh, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Kế hoạch cải cách hành chính
tỉnh Hà Tĩnh năm 2026

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ về Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030;

Căn cứ Chỉ thị số 23/CT-TTg ngày 02/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy mạnh thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030;

Căn cứ Văn bản số 3759/BNV-CCHC ngày 02/8/2021 của Bộ Nội vụ về việc hướng dẫn triển khai Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 01-NQ/ĐH ngày 06/10/2025 của Đại hội Đảng bộ tỉnh Hà Tĩnh lần thứ XX, nhiệm kỳ 2025-2030; Chương trình hành động số 01-CTr/TU ngày 20/10/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Hà Tĩnh lần thứ XX, nhiệm kỳ 2025-2030; Nghị quyết số 12-NQ/TU ngày 26/5/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của chính quyền các cấp giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 290/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của HĐND tỉnh về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2026;

Thực hiện các Quyết định của UBND tỉnh: số 3504/QĐ-UBND ngày 22/10/2021 về ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2021-2030; số 2454/QĐ-UBND ngày 04/12/2022 về phê duyệt Đề án “Đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của chính quyền các cấp giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030”;

Theo đề nghị của Sở Nội vụ tại văn bản số 6869/SNV-CCHC&VTLT ngày 30/12/2025 (sau khi có ý kiến thống nhất của các Sở: Tài chính, Tư pháp, Khoa học và Công nghệ; Văn phòng UBND tỉnh).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch cải cách hành chính tỉnh Hà Tĩnh năm 2026.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành cấp tỉnh, các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh, Chủ tịch UBND các xã, phường và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Ban Chỉ đạo CCHC của Chính phủ (b/c);
- Văn phòng Chính phủ (b/c);
- Bộ Nội vụ (b/c);
- TTr Tỉnh ủy, TTr HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ và các đoàn thể cấp tỉnh;
- Sở Nội vụ;
- Thành viên BCD, TGV CCHC tỉnh;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Hà Tĩnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Trung tâm PVHCC tỉnh;
- Trung tâm CB-TH tỉnh;
- Lưu: VT, HCC₃.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Trần Báu Hà

KẾ HOẠCH

Cải cách hành chính tỉnh Hà Tĩnh năm 2026

*(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày /12/2025
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)*

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

1.1. Cụ thể hóa 05 nhiệm vụ trọng tâm, 03 khâu đột phá trong Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Hà Tĩnh lần thứ XX, nhiệm kỳ 2025 - 2030 và Chương trình hành động của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Hà Tĩnh lần thứ XX, nhiệm kỳ 2025 - 2030.

1.2. Nâng cao chất lượng chỉ đạo, điều hành công tác cải cách hành chính (CCHC) của các cơ quan, đơn vị, địa phương, tạo đột phá trong CCHC năm 2026. Tăng cường trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân, nhất là người đứng đầu cơ quan hành chính nhà nước trong việc triển khai nhiệm vụ CCHC, đảm bảo phù hợp, hiệu quả trong thực hiện CCHC với mô hình chính quyền địa phương 02 cấp và Nghị quyết Đại hội Tỉnh đảng bộ lần thứ XX, nhiệm kỳ 2025 - 2030.

1.3. Tiếp tục triển khai toàn diện, đồng bộ, có hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2021 - 2030 của Chính phủ, của Tỉnh; Nghị quyết số 12-NQ/TU ngày 26/5/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về đẩy mạnh CCHC, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của chính quyền các cấp giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030 (sau đây gọi là Nghị quyết số 12-NQ/TU). Trong đó, chú trọng cải thiện nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công trực tuyến, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, góp phần nâng cao Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), Chỉ số Hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI), Chỉ số CCHC (PAR INDEX), Chỉ số chuyển đổi số cấp tỉnh (DTI) năm 2026, góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

1.4. Tiếp tục đẩy mạnh công tác CCHC nhằm xây dựng nền hành chính dân chủ, chuyên nghiệp, hiện đại; tập trung trọng tâm vào cải cách thể chế, cải cách chế độ công vụ, xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số, nâng cao chất lượng dịch vụ công trực tuyến, cải cách thủ tục hành chính (TTHC), đáp ứng nhu cầu thiết thực của người dân và doanh nghiệp trong giải quyết TTHC; cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

2. Yêu cầu

2.1. Triển khai thực hiện nhiệm vụ CCHC phải được tiến hành đồng bộ, thống nhất, có trọng tâm, trọng điểm, phù hợp với tình hình thực tế của từng cơ quan, đơn vị, địa phương, bảo đảm nghiêm túc, hiệu quả, hoàn thành đúng thời gian quy định và bám sát sự chỉ đạo của Chính phủ, các Bộ, ngành Trung ương, Tỉnh ủy, HĐND tỉnh và UBND tỉnh. Trong quá trình triển khai yêu cầu lồng ghép

triển khai đồng bộ, thống nhất các mục tiêu, nhiệm vụ theo Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2021 - 2030; Kế hoạch CCHC giai đoạn 2026 - 2030 gắn với Nghị quyết cấp ủy Đảng, chương trình, kế hoạch, Đề án của chính quyền các cấp về CCHC.

2.2. CCHC phải xuất phát từ lợi ích của người dân, doanh nghiệp; lấy sự hài lòng của người dân, tổ chức là thước đo đánh giá hiệu quả, chất lượng phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước các cấp. Người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương phải xác định CCHC là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt.

2.3. Các sở, ngành cấp tỉnh: Văn phòng UBND tỉnh, Nội vụ, Tư pháp, Tài chính, Khoa học và Công nghệ, Văn hóa, Thể thao và Du lịch chịu trách nhiệm về các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý; các sở, ban, ngành liên quan, UBND cấp xã theo chức năng, nhiệm vụ chủ động triển khai thực hiện các nhiệm vụ CCHC đảm bảo kịp thời, hiệu quả.

2.4. Bố trí đủ nguồn lực và có các giải pháp triển khai cụ thể để đảm bảo tính thực tiễn, khả thi của kế hoạch. Gắn việc đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ CCHC hàng năm với đánh giá trách nhiệm, năng lực lãnh đạo, quản lý của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị trong công tác bình xét thi đua, khen thưởng.

II. CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU

1. Chỉ đạo điều hành CCHC

1.1. 100% các sở, ban, ngành cấp tỉnh, các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh, UBND cấp xã ban hành kế hoạch và triển khai có hiệu quả kế hoạch CCHC năm 2026.

1.2. Tối thiểu 35% cơ quan, đơn vị được kiểm tra CCHC định kỳ trong năm 2026; 100% các đơn vị, địa phương ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch kiểm tra, tự kiểm tra CCHC các đơn vị trực thuộc, đảm bảo thực chất và đúng quy định.

1.3. Phần đầu ít nhất có 03 sáng kiến (hoặc giải pháp mới) về CCHC áp dụng có hiệu quả, đáp ứng yêu cầu của Hội đồng thẩm định CCHC Trung ương.

1.4. Phần đầu trong năm tổ chức ít nhất từ 02 đến 03 cuộc đối thoại/diễn đàn của lãnh đạo UBND tỉnh với người dân, doanh nghiệp, hợp tác xã.

1.5. Phần đầu trong năm tổ chức ít nhất từ 01 đến 02 cuộc học tập kinh nghiệm của các tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương về triển khai, thực hiện công tác CCHC.

2. Cải cách thể chế

2.1. 100% nội dung được Luật, Nghị quyết của Quốc hội, Pháp lệnh, Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Lệnh, Quyết định của Chủ tịch nước, Nghị định của Chính phủ, Thông tư của Bộ trưởng các Bộ, ngành Trung ương giao HĐND tỉnh và UBND tỉnh quy định chi tiết được triển khai, thực hiện kịp thời, chất lượng.

2.2. 100% văn bản QPPL của HĐND, UBND tỉnh được ban hành đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục; nội dung bám sát yêu cầu quản lý nhà nước và thực tiễn phát triển của tỉnh.

2.3. 100% văn bản QPPL của HĐND, UBND tỉnh được rà soát để sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế cho phù hợp với quy định của văn bản cấp trên ban hành.

2.4. 100% cán bộ, công chức làm công tác xây dựng văn bản QPPL tại các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh được tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng chuyên sâu.

2.5. 100% Quyết định QPPL của UBND tỉnh ban hành được tự kiểm tra kịp thời theo quy định.

2.6. Phần đầu 100% kiến nghị sau theo dõi tình hình thi hành pháp luật được cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận, xử lý hoặc phản hồi đầy đủ.

2.7. 100% văn bản QPPL của Trung ương, của tỉnh được tổ chức thực hiện kịp thời, hiệu quả.

3. Cải cách thủ tục hành chính

3.1. 100% TTHC thực hiện theo Nghị định số 63/2010/NĐ-CP thuộc thẩm quyền giải quyết (cấp tỉnh, cấp xã) được công bố và cập nhật, công khai lên cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC.

3.2. 100% TTHC thực hiện phi địa giới trong phạm vi cấp tỉnh được công bố, công khai.

3.3. 100% TTHC nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước được công bố, công khai.

3.4. 100% TTHC được áp dụng dịch vụ công trực tuyến theo đúng mức độ trên cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC.

3.5. 100% hồ sơ TTHC được số hóa trên Hệ thống (bao gồm hồ sơ tiếp nhận và kết quả giải quyết). 100% TTHC được giải quyết cấp kết quả điện tử.

3.6. Tỷ lệ hồ sơ TTHC được giải quyết trước, đúng hạn trên 99%.

3.7. Tỷ lệ nộp hồ sơ trực tuyến toàn trình đạt 70% trên tổng số hồ sơ tiếp nhận của đơn vị.

3.8. Tỷ lệ giao dịch thanh toán trực tuyến đạt tối thiểu 75%.

3.9. Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa đạt trên 95%

3.10. Mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp về giải quyết TTHC đạt từ 95% trở lên.

4. Cải cách tổ chức bộ máy

4.1. Hoàn thành việc kiện toàn, sắp xếp các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quản lý của UBND tỉnh theo chủ trương, chỉ đạo của Trung ương và của tỉnh.

4.2. 100% cơ quan, tổ chức được phân định rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn giữa cấp trên với cấp dưới; khắc phục được tình trạng chồng chéo, trùng lặp hoặc bỏ sót chức năng, nhiệm vụ giữa các cơ quan, tổ chức trong hệ thống hành chính nhà nước.

4.3. Phần đầu thực hiện đảm bảo lộ trình tinh giản biên chế của Trung ương.

5. Cải cách chế độ công vụ

5.1. Phần đầu 50% cán bộ, công chức dưới 40 tuổi (lãnh đạo, quản lý cấp sở, ngành, UBND cấp xã) giao tiếp được với người nước ngoài bằng tiếng Anh hoặc ngoại ngữ thông dụng khác.

5.2. Năm 2026 thu hút nhân tài vào làm việc trong các cơ quan, đơn vị thuộc UBND tỉnh khoảng 02% so với tổng số tuyển dụng mới.

6. Cải cách tài chính công

6.1. 100% đơn vị sự nghiệp công lập được giao quyền tự chủ tài chính theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP của Chính phủ, Nghị định số 111/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2021/NĐ-CP.

6.2. 100% cơ quan hành chính nhà nước được giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP của Chính phủ, Nghị định số 117/2013/NĐ-CP của Chính phủ.

6.3. Giảm tối thiểu 2,5% chi hỗ trợ trực tiếp từ ngân sách nhà nước đối với phân kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ của các đơn vị sự nghiệp công nhóm 3 theo quy định.

6.4. Có ít nhất 02 đơn vị sự nghiệp công lập tăng mức độ tự chủ so với năm trước liền kề.

7. Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số

7.1. Chính quyền số

7.1.1. Phát triển hạ tầng dữ liệu số đồng bộ, làm nền tảng cho chính quyền số, kinh tế số, xã hội số và các ứng dụng AI, bảo đảm “đúng-đủ-sạch-sống-thống nhất-dùng chung”; phục vụ người dân, doanh nghiệp một lần khai báo được sử dụng trọn đời.

7.1.2. Hoàn thiện hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến đến 69/69 xã, phường và các cơ quan liên quan.

7.1.3. Triển khai Trợ lý ảo trong cơ quan nhà nước để hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức nâng cao hiệu quả và năng suất lao động.

7.1.4. Hoàn thành 10 nhóm nhiệm vụ về chuyển đổi số theo tư vấn, định hướng của các chuyên gia.

7.1.5. 100% cán bộ, công chức cấp tỉnh, cấp xã được bồi dưỡng kỹ năng số căn bản; 100% cán bộ, công chức, viên chức làm chủ kỹ năng số, ứng dụng công nghệ trong quản lý, điều hành.

7.2. Áp dụng ISO

7.2.1. 100% các cơ quan, đơn vị đã xây dựng và áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001:2015 thực hiện việc duy trì và cải tiến hệ thống tại cơ quan, đơn vị đáp ứng yêu cầu tiêu chuẩn.

7.2.2. Xây dựng mở rộng và hoàn thiện hệ thống quản lý chất lượng tại 20 UBND cấp xã đáp ứng phù hợp theo mô hình chính quyền địa phương 02 cấp.

7.2.3. Đảm bảo 100% dự thảo Quyết định phê duyệt quy trình nội bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của các sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND cấp xã do UBND tỉnh ban hành được soát xét, kiểm tra đáp ứng yêu cầu.

7.2.4. 25% tổng số các cơ quan, đơn vị áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001:2015 được kiểm tra, đánh giá trong năm.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHUNG

1. Công tác triển khai nhiệm vụ cải cách hành chính

- Tiếp tục chỉ đạo đồng bộ, hiệu quả, cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp, xác định rõ trách nhiệm các cơ quan, đơn vị, địa phương trong việc thực hiện Chương trình tổng thể CCHC nhà nước tính giai đoạn 2021 - 2030; xây dựng Kế hoạch CCHC của tỉnh giai đoạn 2026 - 2030; tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 12-NQ/TU của Tỉnh ủy, Đề án của UBND tỉnh và các nội dung liên quan.

- Thường xuyên đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện các nhiệm vụ của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao; thực hiện nghiêm túc quy chế làm việc, duy trì đánh giá, xếp loại đối với người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương trong thực hiện CCHC. Tăng cường vai trò, trách nhiệm của cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 của UBND tỉnh, Tổ công tác CCHC tỉnh, từ đó nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc triển khai thực hiện công tác CCHC.

- Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nghiêm túc các nhiệm vụ CCHC nhà nước năm 2026. Kịp thời ban hành và triển khai kế hoạch CCHC riêng của cơ quan, đơn vị, địa phương đảm bảo đầy đủ nội dung công tác CCHC theo chức năng, nhiệm vụ được giao. Tăng cường công tác đối thoại của người đứng đầu các cấp với người dân, doanh nghiệp theo quy định.

- Tăng cường đổi mới, đa dạng hóa hình thức, nâng cao hiệu quả công tác thông tin, tuyên truyền, quán triệt thực hiện các văn bản của các cấp về CCHC, như: trên các ấn phẩm của Báo và Phát thanh, Truyền hình Hà Tĩnh; phát huy vai trò của các cơ quan truyền thông, báo chí Trung ương thường trú trên địa bàn tỉnh trong việc thông tin, tuyên truyền CCHC; trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh; thông qua các cuộc họp giao ban, trên Cổng/Trang thông tin điện tử, các nền tảng truyền thông mạng xã hội, hệ thống thông tin cơ sở, đội ngũ tuyên truyền viên, báo cáo viên của đơn vị, địa phương; tổ chức tuyên truyền qua các hoạt động tập huấn, tọa đàm, tham quan, học tập, trao đổi kinh nghiệm về CCHC.

- Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng, trang bị các kiến thức, kinh nghiệm về CCHC; giới thiệu, mạnh dạn áp dụng các mô hình mới, sáng kiến, cách làm hay trong CCHC vào thực tiễn.

- Tiếp tục đổi mới phương pháp theo dõi, đánh giá định kỳ kết quả thực hiện nhiệm vụ CCHC. Nâng cao chất lượng công tác tổ chức đánh giá, xác định chỉ số CCHC theo hướng toàn diện, đa chiều, công khai, minh bạch, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong tổ chức khảo sát, đánh giá.

- Tổ chức tốt công tác kiểm tra định kỳ, đột xuất về công tác CCHC; tăng cường kiểm tra đột xuất việc thực hiện kỷ luật, kỷ cương hành chính, văn hóa công vụ tại các cơ quan, đơn vị, địa phương trong đó kết hợp kiểm tra kết quả tổ chức, triển khai công tác CCHC của các đơn vị, địa phương qua các ứng dụng,

phần mềm liên quan về CCHC. Xem xét, báo cáo cấp có thẩm quyền khen thưởng, biểu dương các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ CCHC.

2. Cải cách thể chế

- Tiếp tục thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới; Nghị quyết số 140/NQ-CP ngày 17/5/2025 của Chính phủ ban hành chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 66-NQ/TW, Chương trình hành động số 45-CTr/TU ngày 03/7/2025 của Tỉnh ủy.

- Thực hiện nghiêm quy định của Luật Ban hành văn bản QPPL năm 2025 và các Nghị định hướng dẫn thi hành, đảm bảo văn bản QPPL được ban hành đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục, nội dung phù hợp với văn bản của Trung ương, thực tiễn địa phương. Thực hiện nghiên cứu chính sách từ sớm, đánh giá các văn bản QPPL hiện hành, đặc biệt là tính khả thi của các chính sách, khảo sát, đánh giá thực trạng quan hệ xã hội có liên quan đến dự thảo văn bản QPPL; Nâng cao hơn nữa chất lượng, bảo đảm tiến độ góp ý, thẩm định hồ sơ dự thảo văn bản QPPL; kiểm soát chặt chẽ quy định thủ tục hành chính trong văn bản QPPL; theo dõi sát kết quả tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của cơ quan chủ trì soạn thảo; Tăng cường kỷ luật trong công tác xây dựng văn bản QPPL theo hướng phân công rõ trách nhiệm, nâng cao hiệu quả phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị trong nghiên cứu xây dựng, đề xuất chính sách và soạn thảo, trình văn bản QPPL.

- Ban hành Đề án đổi mới, nâng cao chất lượng công tác xây dựng, tổ chức thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh; đồng thời tập trung tổ chức triển khai kịp thời, chất lượng sau khi Đề án được ban hành; Tiếp tục tổ chức thực hiện hiệu quả Quyết định số 300/QĐ-UBND ngày 26/01/2024 của UBND tỉnh về việc ban hành Đề án hoàn thiện hệ thống văn bản QPPL trên địa bàn tỉnh đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030; bảo đảm thể chế phải đi trước, mở đường cho đột phá phát triển.

- Thường xuyên, chủ động kiểm tra, rà soát các quy định của pháp luật để phát hiện, xử lý hoặc kiến nghị xử lý các quy định mâu thuẫn, chồng chéo, hết hiệu lực hoặc không còn phù hợp để đưa thể chế, văn bản QPPL của tỉnh trở thành lợi thế cạnh tranh.

- Tiếp tục đẩy mạnh phân cấp tạo sự chủ động cho địa phương theo tinh thần: “địa phương quyết, địa phương làm, địa phương chịu trách nhiệm” gắn với việc thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp.

- Ban hành Kế hoạch xây dựng văn bản QPPL năm 2026 gắn với các nhiệm vụ trọng tâm phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Chú trọng theo dõi, đôn đốc, kiểm soát chặt chẽ tình hình xây dựng, ban hành văn bản quy định chi tiết, không để xảy ra tình trạng chậm ban hành văn bản quy định chi tiết.

- Thực hiện nghiêm công tác kiểm tra, tự kiểm tra văn bản QPPL, bảo đảm kịp thời, đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật; chủ động phát hiện, xử lý hoặc kiến nghị xử lý đối với các văn bản QPPL có nội dung chưa phù hợp.

- Thực hiện nghiêm quy định tại Nghị định số 80/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ về tổ chức thi hành văn bản QPPL. Thường xuyên đánh giá hiệu quả của các văn bản QPPL sau khi ban hành, nhất là các cơ chế, chính sách nhằm phát hiện bất cập, vướng mắc trong các quy định tại các văn bản QPPL, từ đó kịp thời tham mưu sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ cho phù hợp. Tăng cường đối thoại, tiếp nhận, lắng nghe phản ánh, kiến nghị, giải quyết, tháo gỡ kịp thời khó khăn, vướng mắc về pháp lý của cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp, địa phương. Đẩy mạnh công tác truyền thông chính sách, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, nâng cao nhận thức, ý thức chấp hành pháp luật của người dân, doanh nghiệp, tạo sự đồng thuận, ủng hộ trong xã hội.

- Tăng cường chuyên đổi số, ứng dụng trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn trong công tác xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật. Thực hiện chuẩn hóa cơ sở dữ liệu về văn bản QPPL của tỉnh, ứng dụng công nghệ trí tuệ nhân tạo (AI) nhằm phục vụ hiệu quả cho công tác xây dựng, kiểm tra, rà soát và tổ chức thi hành pháp luật. Vận hành hiệu quả Hệ thống thông tin tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị về văn bản QPPL để đảm bảo nguồn dữ liệu thường xuyên, quan trọng phục vụ hoạt động rà soát, xây dựng và hoàn thiện hệ thống văn bản QPPL trên địa bàn tỉnh.

- Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật chuyên nghiệp, tinh thông, hiệu quả. Tổ chức các lớp đào tạo chuyên sâu về xây dựng, tổ chức thi hành pháp luật, trong đó chú trọng kỹ năng xây dựng văn bản QPPL, phổ biến, giáo dục pháp luật, đánh giá tác động của chính sách cho đội ngũ làm công tác pháp chế, xây dựng văn bản QPPL tại các sở, ban, ngành, địa phương. Bên cạnh đó, tổ chức các cuộc hội thảo, tọa đàm về ban hành chính sách trong một số lĩnh vực, đặc biệt là các lĩnh vực phát triển kinh tế - xã hội gắn với thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XX như: tài chính, đầu tư, khoa học công nghệ, chuyển đổi số, tài nguyên và môi trường, giáo dục, y tế, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp,....

3. Cải cách thủ tục hành chính

- Tiếp tục triển khai thực hiện đầy đủ, kịp thời các văn bản chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Tổ công tác cải cách TTHC của Chính phủ, Văn phòng Chính phủ về cải cách TTHC và thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông; bảo đảm công tác CCHC được triển khai một cách kịp thời, thông suốt và hiệu quả, phù hợp với mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp và đáp ứng mục tiêu, tiến độ cải cách được Chính phủ đề ra tại Nghị quyết 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 ban hành Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2021 - 2030; Quyết định số 766/QĐ-TTg ngày 23/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Bộ Chỉ số chỉ đạo, điều hành và đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện TTHC, dịch vụ công theo thời gian thực trên môi trường điện tử.

- Thực hiện Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia.

- Tập trung rà soát, đơn giản hóa các TTHC nội bộ giữa cơ các quan hành

chính nhà nước không liên quan đến người dân, doanh nghiệp; tăng cường trách nhiệm phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị, địa phương trong thực hiện TTHC nội bộ giữa cơ các cơ quan hành chính nhà nước.

- Tiếp tục nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.

- Rà soát, công bố danh mục TTHC áp dụng trên địa bàn tỉnh, cập nhật, công khai trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC ngay sau khi Bộ, cơ quan ngang bộ công bố TTHC; điều chỉnh quy trình nội bộ, quy trình điện tử, dịch vụ công trực tuyến, bảo đảm thực hiện TTHC, cung cấp dịch vụ công thông suốt, hiệu quả, không bị gián đoạn.

- Rà soát, ban hành danh mục TTHC thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính trong phạm vi của tỉnh theo lộ trình, bảo đảm hoàn thành 100% TTHC thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính trong phạm vi của tỉnh trong tháng 12/2026.

- Tiếp tục rà soát TTHC theo quy định tại Nghị quyết số 66.7/NQ-CP ngày 15/11/2025 của Chính phủ quy định cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu.

- Bảo đảm 100% TTHC liên quan đến doanh nghiệp được thực hiện trực tuyến, thông suốt, liền mạch, hiệu quả, giảm tối đa giấy tờ, hoàn thành trong năm 2026.

- Thực hiện kiểm soát trách nhiệm giải quyết công việc của các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan trong việc tiếp nhận hồ sơ, giải quyết TTHC; giảm tỷ lệ hồ sơ trễ hẹn giải quyết; nghiêm túc thực hiện xin lỗi người dân, tổ chức khi để xảy ra trễ hẹn trong giải quyết TTHC.

- Thực hiện nghiêm túc việc thanh toán trực tuyến phí, lệ phí giải quyết TTHC trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia, nhất là thanh toán trực tuyến các thủ tục đất đai, thu lệ phí trước bạ...

- Triển khai thực hiện TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành, thực hiện nghiêm việc số hóa hồ sơ, giấy tờ, kết quả giải quyết TTHC trong quá trình tiếp nhận, xử lý tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, cấp xã, thông tin người dùng trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC, tổ chức tiếp nhận, xử lý hồ sơ TTHC cho người dân, doanh nghiệp nhanh chóng, thuận lợi, đúng thẩm quyền và quy định của pháp luật

- Tổ chức tập huấn, kiểm tra và hướng dẫn việc thực hiện công tác kiểm soát, cải cách TTHC tại các sở, ban, ngành, UBND cấp xã.

4. Cải cách tổ chức bộ máy

- Tập trung rà soát, sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy của các cơ quan, đơn vị tinh gọn, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả, đảm bảo tính tổng thể, đồng bộ, liên thông, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong thời kỳ mới trên cơ sở quy định pháp luật và Văn bản hướng dẫn của Trung ương, của tỉnh.

- Quy định, hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, cấp xã đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

- Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền theo Nghị quyết số 04/NQ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và các quy định khác của pháp luật nhằm phát huy tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong việc thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của từng đơn vị, địa phương.

- Tập trung xây dựng và hoàn thiện Đề án vị trí việc làm và cơ cấu ngạch viên chức của các cơ quan, đơn vị, địa phương và thực hiện tinh giản biên chế năm 2026 theo chủ trương, lộ trình của Trung ương.

- Tăng cường công tác kiểm tra việc quản lý, bố trí sắp xếp tổ chức bộ máy, bố trí số lượng cấp trưởng, cấp phó tại các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh bảo đảm đúng quy định.

5. Cải cách chế độ công vụ

- Thực hiện nghiêm các quy định về tuyển dụng, quản lý và sử dụng cán bộ, công chức, viên chức; bảo đảm cơ chế cạnh tranh lành mạnh, dân chủ, công khai, minh bạch trong tuyển dụng, bổ nhiệm, đề bạt công chức, viên chức. Tăng cường kiểm tra để kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm những trường hợp sai phạm trong tuyển dụng, bổ nhiệm cán bộ, công chức, viên chức.

- Đề đẩy mạnh thu hút nhân tài, các cơ quan, đơn vị thường xuyên quán triệt chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về thu hút, trọng dụng nhân tài; về ý nghĩa, tầm quan trọng của chính sách thu hút, trọng dụng nhân tài trong xây dựng phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của tỉnh và đất nước; lấy kết quả triển khai, thực hiện chính sách thu hút, trọng dụng nhân tài là một trong các nội dung đánh giá đối với người đứng đầu cơ quan, đơn vị.

- Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đảm bảo tiêu chuẩn, chức danh theo quy định; nâng cao chất lượng, tinh thần trách nhiệm, đạo đức, tác phong chuyên nghiệp, kỷ luật, kỷ cương, thân thiện và tận tình phục vụ Nhân dân của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Tiếp tục chấn chỉnh, tăng cường trách nhiệm trong xử lý công việc, kỷ luật, kỷ cương hành chính, văn hóa công vụ theo Công điện số 280/CĐ-TTg và số 968/CĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, Kết luận số 29-KL/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và các văn bản quy định, hướng dẫn của tỉnh.

- Triển khai công tác đào tạo, bồi dưỡng năm 2026 theo kế hoạch; tiếp tục đổi mới hình thức, nội dung, chương trình bồi dưỡng, đào tạo cán bộ, công chức, viên chức đảm bảo thiết thực, phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ.

6. Cải cách tài chính công

- Tăng cường các biện pháp để giải ngân vốn đầu tư công đảm bảo quy định, thực hiện các nhiệm vụ về cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước.

- Chỉ đạo, đôn đốc các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện nghiêm túc, kịp thời các kết luận, kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách.

- Đẩy mạnh việc giao tự chủ tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp công theo quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP, Nghị định số 111/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 60/2021/NĐ-CP.

- Đôn đốc các sở, ngành, đơn vị xây dựng, tham mưu UBND tỉnh ban hành,

sửa đổi, bổ sung danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước; định mức kinh tế - kỹ thuật, giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý tại địa phương theo quy định.

- Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ về cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập; kết quả thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước.

7. Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số và áp dụng ISO 9001:2015

7.1. Chính quyền số

- Hoàn thiện hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến theo hình thức thuê nền tảng và đầu tư thiết bị chuyên dùng 2 chiều, đảm bảo thống nhất về tiêu chuẩn, chủng loại và khả năng tương thích của thiết bị hội nghị truyền hình trực tuyến tại cấp xã với hệ thống hội nghị truyền hình chung của tỉnh.

- Tập trung triển khai 10 nhóm nhiệm vụ theo tư vấn, định hướng của các chuyên gia và chỉ đạo của UBND tỉnh về việc tập trung triển khai các nhiệm vụ về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

- Xây dựng Kho dữ liệu dùng chung của tỉnh (DataHub), các cơ sở dữ liệu chuyên ngành đảm bảo phát triển hạ tầng dữ liệu số đồng bộ, làm nền tảng cho chính quyền số, kinh tế số, xã hội số và các ứng dụng AI, bảo đảm “đúng-đủ-sạch-sống-thống nhất-dùng chung”; phục vụ người dân, doanh nghiệp một lần khai báo được sử dụng trọn đời, tạo điều kiện thuận lợi thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

- Hợp tác với Thành phố Huế triển khai các nhiệm vụ về chuyển đổi số trên cơ sở thế mạnh của 02 tỉnh: Đầu tư hạ tầng; Kho dữ liệu dùng chung và hệ thống dữ liệu các ngành, lĩnh vực; Trung tâm IOC Hà Tĩnh; công tác an toàn, bảo mật dữ liệu; ứng dụng công dân số (tích hợp nền tảng phản ánh hiện trường).

- Triển khai Trợ lý ảo trong cơ quan nhà nước để hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức nâng cao hiệu quả và năng suất lao động.

- Tổ chức tập huấn, phổ biến kiến thức về chuyển đổi số cho đội ngũ cán bộ nòng cốt và đội ngũ cán bộ phụ trách về chuyển đổi số. Tổ chức các lớp đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực về chuyển đổi số cho người dân, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh. Tiếp tục triển khai đào tạo các khoá học trực tuyến về chuyển đổi số trên nền tảng số quốc gia, nền tảng số của tỉnh (MobiEdu) cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và người dân trên địa bàn tỉnh đảm bảo theo quy định

7.2. Áp dụng ISO 9001:2015

- Tiếp tục tổ chức duy trì, cải tiến có hiệu quả việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng tại các cơ quan đơn vị đã xây dựng và áp dụng đảm bảo yêu cầu của tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015.

- Tổ chức xây dựng mở rộng và hoàn thiện hệ thống quản lý chất lượng tại 20 UBND cấp xã đáp ứng phù hợp theo chính quyền địa phương 02 cấp.

- Tiếp tục soát xét, kiểm tra và cho ý kiến đối với các dự thảo quyết định phê duyệt quy trình nội bộ thủ tục hành chính theo đúng các quy định của pháp

luật có liên quan, các quy trình được xây dựng theo hướng tối ưu hóa quá trình xử lý công việc, đảm bảo đơn giản, dễ hiểu, dễ thực hiện.

- Tổ chức kiểm tra, đánh giá hàng năm đối với việc thực hiện xây dựng, áp dụng, duy trì, cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001:2015 tại các cơ quan, đơn vị. Phối hợp lồng ghép các cuộc kiểm tra cải cách hành chính để đánh giá chất lượng hệ thống.

- Tổ chức tập huấn, đào tạo nâng cao nhận thức, kỹ năng, nghiệp vụ về xây dựng, áp dụng, kiểm tra, đánh giá Hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001:2015 cho cán bộ, công chức tại các cơ quan, đơn vị.

IV. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CỤ THỂ

Mục tiêu, nhiệm vụ, nội dung, sản phẩm, phân công cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp và thời gian cụ thể thực hiện ***theo Phụ lục gửi kèm.***

V. KINH PHÍ

Kinh phí thực hiện Kế hoạch CCHC năm 2026 được bố trí trong dự toán ngân sách hàng năm cho các cơ quan, đơn vị, địa phương theo quy định về phân cấp ngân sách và các quy định khác. Đối với các nhiệm vụ được phê duyệt theo Đề án, Kế hoạch, Dự án thực hiện theo kinh phí của Đề án, Kế hoạch, Dự án được phê duyệt.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban Chỉ đạo phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06

- Căn cứ Kế hoạch của UBND tỉnh, tiếp tục tăng cường công tác chỉ đạo CCHC theo chức năng, nhiệm vụ được giao; phát huy vai trò các thành viên Ban Chỉ đạo được giao chủ trì thực hiện các lĩnh vực/nội dung của tỉnh về CCHC; chịu trách nhiệm chỉ đạo, triển khai, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc triển khai các nội dung được giao chủ trì theo Kế hoạch này và theo quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo và Tiểu Ban Chỉ đạo CCHC tỉnh đảm bảo tiến độ, chất lượng theo quy định.

- Các thành viên Ban Chỉ đạo phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 tỉnh, các thành viên Tổ công tác CCHC tỉnh chỉ đạo quyết liệt thúc đẩy công tác CCHC; quan tâm bố trí nhân lực, tài chính, thời gian và các nguồn lực cần thiết; chỉ đạo, lãnh đạo kịp thời, thường xuyên, liên tục các vấn đề đặt ra từ thực tiễn, giải đáp, tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc của địa phương trong triển khai các nội dung, nhiệm vụ CCHC.

2. Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch UBND cấp xã

2.1 Tổ chức thực hiện các nội dung CCHC theo kế hoạch. Căn cứ các chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp cụ thể được xác định tại Kế hoạch này, Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch UBND cấp xã; chủ động xây dựng Kế hoạch CCHC năm 2026 của cơ quan, đơn vị, địa phương đảm bảo đồng bộ, thống nhất theo Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2021 - 2030, Kế hoạch CCHC giai đoạn 2026 - 2030, Nghị quyết số 12-NQ/TU, Đề án triển khai của UBND tỉnh phù hợp với thực tiễn của cơ quan, đơn vị, địa phương; đồng

thời tập trung chỉ đạo, quán triệt, tổ chức triển khai, kiểm tra thực hiện đạt hiệu quả, đúng tiến độ đề ra.

Kế hoạch CCHC năm 2026 của các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh, UBND cấp xã báo cáo về UBND tỉnh (qua Sở Nội vụ) để tổng hợp, theo dõi chung **trước ngày 15/01/2026** để tổng hợp, theo dõi.

2.2. Thực hiện nghiêm trách nhiệm người đứng đầu cơ quan hành chính nhà nước về thực hiện CCHC; tiếp tục đổi mới phương thức chỉ đạo, điều hành công tác CCHC bằng những việc làm cụ thể, có tính đột phá để đạt hiệu quả thực chất. Tăng cường hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện công tác CCHC. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ trong thực hiện từng nội dung CCHC nhất là công nghệ thông tin, truyền thông, công nghệ số trong hoạt động của các cơ quan hành chính nhằm nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động, chất lượng phục vụ của các cơ quan hành chính Nhà nước.

2.3. Đẩy mạnh thông tin truyền thông, tạo đồng thuận xã hội thúc đẩy CCHC, nhất là TTHC; rà soát, đơn giản hóa, cập nhật, công khai và hướng dẫn kịp thời, đầy đủ các TTHC, các văn bản quy định về TTHC thuộc thẩm quyền tiếp nhận và giải quyết của cơ quan, đơn vị, địa phương.

2.4. Tổ chức hội nghị đối thoại với người dân, doanh nghiệp về các vấn đề có liên quan thuộc thẩm quyền của cơ quan, đơn vị, địa phương theo quy định.

2.5. Chủ động, mạnh dạn đề xuất thực hiện hoặc thí điểm thực hiện những mô hình, giải pháp, sáng kiến hiệu quả, có tính khả thi và có sự đồng thuận cao từ phía tổ chức, người dân để tạo sự đột phá trong công tác CCHC. Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng, nghiệp vụ liên quan đến giao tiếp, văn hóa ứng xử, quyền và nghĩa vụ của công chức, viên chức, kỷ luật, kỷ cương hành chính, ưu tiên bồi dưỡng đối tượng là cán bộ, công chức, viên chức tiếp công dân, thực hiện giải quyết TTHC...

2.6. Đánh giá, đo lường mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp trong giải quyết TTHC và cung cấp dịch vụ công bằng các hình thức phù hợp, thuận tiện cho người dân, doanh nghiệp và đảm bảo thực chất, hiệu quả.

2.7. Triển khai việc đánh giá kết quả công tác CCHC qua xác định Chỉ số CCHC hằng năm đối với cơ quan, đơn vị, địa phương đảm bảo thực chất, khách quan, phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ CCHC; thực hiện sơ kết, tổng kết công tác CCHC theo quy định.

3. Các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh

- Ban hành Kế hoạch CCHC năm 2026 theo hướng dẫn của ngành và Kế hoạch của UBND tỉnh đảm bảo chất lượng, tiến độ và gửi kế hoạch CCHC năm 2026 về UBND tỉnh (qua Sở Nội vụ) **trước ngày 31/01/2026**.

- Chủ động triển khai có hiệu quả các nội dung CCHC của ngành, đồng thời phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương trong thực hiện nhiệm vụ cải cách các TTHC có liên quan, nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả phục vụ người dân và tổ chức trên địa bàn tỉnh.

- Tích cực thực hiện công tác tuyên truyền về CCHC; mở rộng các hình thức tuyên truyền về công tác CCHC tại cơ quan, ngành mình.

4. Sở Nội vụ

- Là cơ quan Thường trực của Tổ Công tác CCHC tỉnh, của Đoàn kiểm tra
- Hội đồng thẩm định xác định Chỉ số CCHC của các cơ quan, đơn vị, địa phương thuộc tỉnh.
- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan hướng dẫn, đôn đốc, theo dõi, đánh giá; tổ chức sơ kết, tổng kết việc triển khai kế hoạch CCHC năm 2026 của tỉnh đảm bảo chất lượng, hiệu quả, đúng tiến độ theo quy định.
- Chịu trách nhiệm đôn đốc, triển khai Kế hoạch này và chủ trì tham mưu tổ chức kiểm tra công tác CCHC theo kế hoạch; tham mưu UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh các biện pháp đẩy mạnh công tác CCHC trên địa bàn tỉnh; chủ trì tổng hợp báo cáo UBND tỉnh, Bộ Nội vụ về kết quả thực hiện công tác CCHC của tỉnh đảm bảo chất lượng, thời gian theo quy định.
- Tăng cường phối hợp với các cơ quan chủ trì thực hiện các nội dung/lĩnh vực CCHC của tỉnh để tham mưu UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh chỉ đạo triển khai các nhiệm vụ CCHC có chất lượng, hiệu quả.
- Kịp thời cập nhật, rà soát, tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, điều chỉnh phân công nhiệm vụ đối với các cơ quan, đơn vị có liên quan trong việc tham mưu triển khai thực hiện các nhiệm vụ CCHC năm 2026 theo Kế hoạch này (nếu có) kiện toàn sau khi hoàn thành việc sắp xếp tổ chức bộ máy theo chủ trương của Trung ương và của Tỉnh.

5. Văn phòng UBND tỉnh

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, UBND cấp xã và các đơn vị liên quan kiểm soát chặt chẽ số liệu TTHC thực hiện “tiếp nhận và trả kết quả” trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh.
- Thực hiện hướng dẫn, theo dõi hồ sơ TTHC của tổ chức, cá nhân theo thẩm quyền được giao.

6. Báo và Phát thanh, Truyền hình Hà Tĩnh

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan xây dựng chuyên mục, chuyên trang về CCHC trên báo, đài, báo điện tử; tuyên truyền, phổ biến sâu, rộng, có trọng tâm, trọng điểm, bằng nhiều hình thức nhất là thông tin, tuyên truyền về các mô hình hay, cách làm tốt, cũng như các tồn tại, hạn chế và góp ý, hiến kế cho các cấp chính quyền làm tốt hơn công tác này. Đồng thời nâng cao nhận thức của cán bộ, công chức, viên chức và Nhân dân về công tác CCHC; giúp người dân, doanh nghiệp được tiếp cận để hiểu rõ hơn về các nội dung công tác CCHC.

7. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức đoàn thể cấp tỉnh

- Tăng cường phối hợp tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và Nhân dân tích cực tham gia vào các khâu, lĩnh vực trong tiến trình CCHC. Phát huy vai trò giám sát, phản biện của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội trong thực hiện CCHC nhà nước các cấp.
- Vận động người dân, doanh nghiệp và cơ quan truyền thông, báo chí giám

sát việc thực hiện CCHC góp phần cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh và đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; nắm bắt kịp thời tâm tư nguyện vọng, kiến nghị của đoàn viên, hội viên và Nhân dân để phản ánh với cấp ủy, chính quyền góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của chính quyền các cấp.

Yêu cầu Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành cấp tỉnh; các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh; Chủ tịch UBND cấp xã triển khai Kế hoạch này một cách kịp thời, hiệu quả; báo cáo kết quả thực hiện theo quý, 06 tháng, năm và đột xuất (nếu có) công tác CCHC về UBND tỉnh (qua Sở Nội vụ); Sở Nội vụ tổng hợp kết quả triển khai thực hiện tham mưu UBND tỉnh báo cáo Bộ Nội vụ, Ban Chỉ đạo phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 của Chính phủ theo quy định. Đồng thời kịp thời tham mưu UBND tỉnh đôn đốc, chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện hoàn thành đảm bảo chất lượng, hiệu quả Kế hoạch này./.

PHỤ LỤC
KHUNG NHIỆM VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH TRỌNG TÂM NĂM 2026
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày /12/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	1- Mục tiêu/Chỉ tiêu	2- Nhiệm vụ	3- Hoạt động	4- Kết quả, sản phẩm	5- Chủ trì	6- Phối hợp	7- Thời gian hoàn thành	8- Kinh phí
I	CÔNG TÁC TRIỂN KHAI CÁC NHIỆM VỤ CCHC							
1	1.1. 100% các sở, ban, ngành cấp tỉnh, các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh, UBND cấp xã ban hành kế hoạch và triển khai có hiệu quả kế hoạch CCHC năm 2026	2.1. Ban hành Kế hoạch CCHC năm 2026 của tỉnh, trong đó đôn đốc các cơ quan, đơn vị, địa phương ban hành kế hoạch CCHC năm 2026	3.1. Các sở, ngành được UBND tỉnh giao phụ trách các nội dung/lĩnh vực CCHC của tỉnh đề xuất mục tiêu/chỉ tiêu, nhiệm vụ/giải pháp, khung nhiệm vụ trọng tâm trong kế hoạch CCHC năm 2026 3.2. Sở Nội vụ tổng hợp và hoàn thiện dự thảo kế hoạch, trình Chủ tịch UBND tỉnh ban hành. 3.3. Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Kế hoạch CCHC năm 2026 của tỉnh, theo đó các	Văn bản và các dự thảo kèm theo, Quyết định	Sở Nội vụ	Các cơ quan chủ trì CCHC của tỉnh, các cơ quan liên quan khác	Tháng 12/2025	Theo dự toán được cấp

TT	1- Mục tiêu/Chỉ tiêu	2- Nhiệm vụ	3- Hoạt động	4- Kết quả, sản phẩm	5- Chủ trì	6- Phối hợp	7- Thời gian hoàn thành	8- Kinh phí
			cơ quan, đơn vị, địa phương cũng ban hành Kế hoạch CCHC 2026 phù hợp với Kế hoạch CCHC của tỉnh và tình hình thực tế của cơ quan, đơn vị, địa phương					
		2.2. Ban hành Kế hoạch CCHC giai đoạn 2026-2030 của tỉnh, trong đó đôn đốc các cơ quan, đơn vị, địa phương ban hành kế hoạch CCHC giai đoạn 2026-2030	3.4. Các sở, ngành được UBND tỉnh giao phụ trách các nội dung/lĩnh vực CCHC của tỉnh đề xuất mục tiêu/chỉ tiêu, nhiệm vụ/giải pháp, khung nhiệm vụ trọng tâm trong kế hoạch CCHC giai đoạn 2026-2030 3.5. Sở Nội vụ tổng hợp và hoàn thiện dự thảo kế hoạch, trình Chủ tịch UBND tỉnh ban hành.	Văn bản và các dự thảo kèm theo, Quyết định	Sở Nội vụ	Các cơ quan chủ trì CCHC của tỉnh, các cơ quan liên quan khác	Quý I năm 2026	Theo dự toán được cấp

TT	1- Mục tiêu/Chỉ tiêu	2- Nhiệm vụ	3- Hoạt động	4- Kết quả, sản phẩm	5- Chủ trì	6- Phối hợp	7- Thời gian hoàn thành	8- Kinh phí
			3.6. Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Kế hoạch CCHC giai đoạn 2026-2030 của tỉnh, theo đó các cơ quan, đơn vị, địa phương cũng ban hành Kế hoạch CCHC giai đoạn 2026-2030 phù hợp với Kế hoạch của tỉnh và tình hình thực tế của cơ quan, đơn vị, địa phương					
		2.3 Sửa đổi Bộ tiêu chí xác định Chỉ số CCHC của các sở, ban, ngành cấp tỉnh và UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh, trong đó có xem xét sửa đổi tiêu chí chấm điểm về ban hành KH CCHC 2026 của các cơ quan, địa phương	3.7. Xây dựng dự thảo văn bản, Quyết định, xin ý kiến, tổ chức Hội thảo, hội nghị...	Công văn, dự thảo Quyết định, hội thảo, hội nghị	Sở Nội vụ	Các sở, ban ngành cấp tỉnh, UBND cấp xã	Quý IV năm 2026	Theo dự toán được cấp

TT	1- Mục tiêu/Chỉ tiêu	2- Nhiệm vụ	3- Hoạt động	4- Kết quả, sản phẩm	5- Chủ trì	6- Phối hợp	7- Thời gian hoàn thành	8- Kinh phí
		và các tiêu chí khác liên quan đến việc triển khai có hiệu quả KH CCHC năm 2026 (nếu có)						
		2.4 Nâng cấp phần mềm hỗ trợ, theo dõi đánh giá CCHC của tỉnh theo mô hình chính quyền 02 cấp phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh	3.8 Xây dựng báo cáo, triển khai nâng cấp phần mềm, tổ chức Hội thảo, hội nghị....	Báo cáo, đề xuất, văn bản liên quan, hội thảo, hội nghị	Sở Nội vụ	Các sở, ban ngành cấp tỉnh, UBND cấp xã	Quý IV năm 2026	Theo dự toán được cấp
		2.5. Đổi mới phương pháp, cách thức công tác thẩm định, đánh giá chỉ số CCHC tại các đơn vị, địa phương	3.9. Xây dựng, ban hành văn bản trong đó tập trung ứng dụng CNTT để đổi mới phương pháp và cách thức thẩm định, rút ngắn thời gian thẩm định, tạo thuận lợi cho đơn vị, địa phương và thành viên HĐTĐ	Văn bản	Sở Nội vụ	Các sở, ban ngành cấp tỉnh, UBND cấp xã; thành viên HĐTĐ	Thường xuyên	

TT	1- Mục tiêu/Chỉ tiêu	2- Nhiệm vụ	3- Hoạt động	4- Kết quả, sản phẩm	5- Chủ trì	6- Phối hợp	7- Thời gian hoàn thành	8- Kinh phí
			trong quá trình thẩm định					
		2.6. Nâng cao năng lực cho cán bộ, công chức trong tham mưu, triển khai CCHC	3.10. Tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng về kiến thức, kỹ năng về CCHC cho cán bộ, công chức	Các lớp tập huấn, bồi dưỡng (Kế hoạch tập huấn, Giấy mời, giáo án, bài giảng...)	Sở Nội vụ	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Thường xuyên	
		2.7. Ban hành, triển khai các giải pháp khắc phục tồn tại, hạn chế, duy trì, nâng cao các chỉ số PAPI, PARINDEX, SIPAS	3.11. Văn bản đề nghị các ngành phân tích làm rõ các tiêu chí bị trừ điểm trong kết quả các Chỉ số PAPI, PARINDEX, SIPAS 3.12. Văn bản chỉ đạo khắc phục các tồn tại, hạn chế của các chỉ số	Công văn (kế hoạch); Báo cáo	Sở Nội vụ	Các cơ quan chủ trì CCHC của tỉnh, các cơ quan liên quan	01 tháng sau khi các cơ quan TW công bố chỉ số PAPI, PARINDEX, SIPAS	

TT	1- Mục tiêu/Chỉ tiêu	2- Nhiệm vụ	3- Hoạt động	4- Kết quả, sản phẩm	5- Chủ trì	6- Phối hợp	7- Thời gian hoàn thành	8- Kinh phí
		2.8. Ban hành, triển khai các giải pháp khắc phục tồn tại hạn chế, duy trì, nâng cao các chỉ số PCI	3.13. Văn bản đề nghị các ngành phân tích làm rõ các tiêu chí bị trừ điểm trong kết quả các chỉ số PCI 3.14. Văn bản chỉ đạo khắc phục các tồn tại hạn chế của các chỉ số	Công văn (kế hoạch); Báo cáo	Sở Tài chính	Các cơ quan chủ trì CCHC của tỉnh, các cơ quan liên quan	01 tháng sau khi các cơ quan TW công bố chỉ số PCI	
		2.9. Ban hành, triển khai các giải pháp khắc phục tồn tại hạn chế, duy trì, nâng cao các chỉ số DTI	3.15. Văn bản đề nghị các ngành phân tích làm rõ các tiêu chí bị trừ điểm trong kết quả các chỉ số DTI 3.16. Văn bản chỉ đạo khắc phục các tồn tại hạn chế của các chỉ số	Công văn (kế hoạch); Báo cáo	Sở Khoa học và Công nghệ	Các cơ quan chủ trì CCHC của tỉnh, các cơ quan liên quan	01 tháng sau khi Bộ Khoa học và Công nghệ công bố chỉ số DTI	
		2.10. Tổ chức các hội nghị sơ kết, tổng kết công tác CCHC	3.17. Các văn bản triển khai các hội nghị sơ kết, tổng kết	Công văn, báo cáo, giấy mời, thông báo kết luận, hội nghị...	Sở Nội vụ	Các cơ quan chủ trì CCHC của tỉnh, các cơ quan liên quan	Quý IV năm 2026	Theo dự toán được cấp

TT	1- Mục tiêu/Chỉ tiêu	2- Nhiệm vụ	3- Hoạt động	4- Kết quả, sản phẩm	5- Chủ trì	6- Phối hợp	7- Thời gian hoàn thành	8- Kinh phí
2	Tối thiểu 35% cơ quan, đơn vị được kiểm tra CCHC định kỳ trong năm 2026; 100% các đơn vị, địa phương ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch kiểm tra, tự kiểm tra CCHC các đơn vị trực thuộc, đảm bảo thực chất và đúng quy định.	2.11. Tổ chức kiểm tra CCHC (gắn với kiểm tra thực hiện Nghị quyết số 12-NQ/TU và Đề án UBND tỉnh triển khai Nghị quyết số 12-NQ/TU)	3.18 Ban hành Kế hoạch kiểm tra CCHC 3.19. Thông báo lịch kiểm tra và tiến hành kiểm tra tại các đơn vị, địa phương 3.20. Biên bản kiểm tra các đơn vị, địa phương 3.21. Báo cáo kết quả kiểm tra 3.22. Ban hành Văn bản chỉ đạo khắc phục tồn tại, hạn chế sau kiểm tra	Kế hoạch, Công văn, Báo cáo kết quả kiểm tra, Biên bản kiểm tra tại các đơn vị, địa phương, văn bản chỉ đạo	Sở Nội vụ	Các cơ quan chủ trì CCHC của tỉnh, các đơn vị được kiểm tra	Quý III năm 2026	Theo dự toán được cấp
3	1.3. Phần đầu ít nhất có 03 sáng kiến (hoặc giải pháp mới) về CCHC áp dụng có hiệu quả đáp ứng yêu cầu của Hội đồng thẩm định CCHC Trung ương	2.12. Giới thiệu các mô hình, sáng kiến CCHC áp dụng và nhân rộng tại các cơ quan, đơn vị, địa phương	3.23. Lựa chọn, rà soát các sáng kiến, mô hình hay, hiệu quả về CCHC giới thiệu cho các cơ quan, đơn vị, địa phương	- Văn bản giới thiệu, Tóm tắt giới thiệu các mô hình, sáng kiến, Hội nghị...	Sở Nội vụ chủ trì đối với nhân rộng mô hình hay; Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì đối với áp dụng	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Thường xuyên	Theo dự toán được cấp

TT	1- Mục tiêu/Chỉ tiêu	2- Nhiệm vụ	3- Hoạt động	4- Kết quả, sản phẩm	5- Chủ trì	6- Phối hợp	7- Thời gian hoàn thành	8- Kinh phí
					các sáng kiến CCHC			
		2.13. Nghiên cứu, đề xuất sáng kiến mới (giải pháp mới) về CCHC	3.24. Viết sáng kiến, đánh giá hiệu quả và áp dụng vào thực tiễn	Các sáng kiến, giải pháp	Các cơ quan chủ trì các lĩnh vực CCHC tỉnh; cơ quan, đơn vị, địa phương	Cơ quan, đơn vị liên quan	Thường xuyên	
4	1.4. Phần đầu trong năm tổ chức ít nhất từ 02 đến 03 cuộc đối thoại/diễn đàn của lãnh đạo UBND tỉnh với người dân, doanh nghiệp, hợp tác xã.	2.14. Tổ chức các hội nghị đối thoại, diễn đàn	3.25. Xây dựng kế hoạch, phân công các cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp thực hiện đối thoại	Kế hoạch, giấy mời, thông báo	Sở Tài chính	Cơ quan, đơn vị liên quan	Quý IV năm 2026	Theo dự toán được cấp
5	1.5. Phần đầu trong năm tổ chức ít nhất từ 01 đến 02 cuộc học tập kinh nghiệm của các tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương về triển khai, thực hiện công tác CCHC.	2.15. Tổ chức học tập kinh nghiệm CCHC tại một số tỉnh, thành phố	3.26. Các chuyến tham quan học tập kinh nghiệm	Công văn, báo cáo	Sở Nội vụ	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Quý IV năm 2026	Theo dự toán được cấp

TT	1- Mục tiêu/Chỉ tiêu	2- Nhiệm vụ	3- Hoạt động	4- Kết quả, sản phẩm	5- Chủ trì	6- Phối hợp	7- Thời gian hoàn thành	8- Kinh phí
II	CẢI CÁCH THỂ CHẾ							
1	1.8. 100% nội dung được Luật, Nghị quyết của Quốc hội, Pháp lệnh, Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Lệnh, Quyết định của Chủ tịch nước, Nghị định của Chính phủ, Thông tư của các Bộ, ngành Trung ương giao HĐND tỉnh và UBND tỉnh quy định chi tiết được triển khai, thực hiện kịp thời, chất lượng.	2.16. Ban hành các văn bản QPPL để quy định chi tiết các nội dung được giao tại văn bản của Trung ương đảm bảo về tiến độ, chất lượng.	3.27. Rà soát và lập danh mục nội dung Trung ương giao quy định chi tiết, gửi Sở Tư pháp tổng hợp.	Văn bản, danh mục	Các Sở, ban, ngành cấp tỉnh	Sở Tư pháp	Hàng tháng	
			3.28. Tổng hợp kết quả rà soát của các đơn vị và lập danh mục nội dung giao quy định chi tiết tại các văn bản QPPL của Trung ương.	Danh mục	Sở Tư pháp	Các Sở, ban, ngành cấp tỉnh	Hàng tháng	
			3.29. Xây dựng các dự thảo văn bản QPPL.	Các văn bản QPPL	Các Sở, ban, ngành cấp tỉnh	Sở Tư pháp	Thường xuyên	
			3.30. Theo dõi, đôn đốc các đơn vị tham mưu kịp thời, có chất lượng các văn bản được Trung	Văn bản đôn đốc	Sở Tư pháp	Các Sở, ban, ngành cấp tỉnh	Theo dõi thường xuyên; Đôn đốc tiến độ	

TT	1- Mục tiêu/Chỉ tiêu	2- Nhiệm vụ	3- Hoạt động	4- Kết quả, sản phẩm	5- Chủ trì	6- Phối hợp	7- Thời gian hoàn thành	8- Kinh phí
2	1.9. 100% văn bản QPPL của HĐND, UBND tỉnh được ban hành đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục; nội dung bám sát yêu cầu quản lý nhà nước và thực tiễn phát triển của tỉnh.	2.17. Đảm bảo về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo Luật Ban hành văn bản QPPL; nội dung bám sát yêu cầu quản lý nhà nước, thực tiễn phát triển của tỉnh. 2.18. Tiếp tục đổi mới công tác xây dựng văn bản QPPL theo chủ trương của Đảng tại Nghị quyết số 66-NQ/TW của Bộ Chính trị; Nghị quyết số 140/NQ-CP của Chính phủ, Chương trình hành động số 45-	ương giao quy định chi tiết.				hàng tháng	
			3.31. Ban hành Kế hoạch xây dựng văn bản QPPL năm 2026 gắn với các nhiệm vụ trọng tâm phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.	Kế hoạch	Sở Tư pháp	Các Sở, ban, ngành cấp tỉnh	Tháng 01/2026	
			3.32. Văn bản quán triệt, chấn chỉnh về thực hiện kỷ luật, kỷ cương trong xây dựng, ban hành văn bản QPPL.	Văn bản	Sở Tư pháp	Các Sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND cấp xã	Tháng 01/2026	
			3.33. Ban hành Đề án đổi mới, nâng cao chất lượng công tác xây dựng, tổ chức thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh.	Đề án	Sở Tư pháp	Các Sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND cấp xã	Tháng 3/2026	

TT	1- Mục tiêu/Chỉ tiêu	2- Nhiệm vụ	3- Hoạt động	4- Kết quả, sản phẩm	5- Chủ trì	6- Phối hợp	7- Thời gian hoàn thành	8- Kinh phí
		CTr/TU của Tỉnh ủy.	3.34. Tăng cường tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng cho đội ngũ làm công tác xây dựng văn bản QPPL trên địa bàn tỉnh.	Hội nghị tập huấn; Lớp bồi dưỡng	Sở Tư pháp	Các Sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND cấp xã	Quý II/2026	
3	1.10. 100% văn bản QPPL của HĐND, UBND tỉnh được rà soát để sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế cho phù hợp với	2.19. Nâng cao chất lượng công tác rà soát văn bản QPPL và xử lý văn bản sau rà soát.	3.35. Hướng dẫn, đôn đốc các cơ quan, đơn vị rà soát văn bản thuộc lĩnh vực quản lý.	Văn bản	Sở Tư pháp	Các Sở, ban, ngành cấp tỉnh	Thường xuyên	
			3.36. Lồng ghép hoặc tổ chức Hội nghị tập huấn riêng về công tác rà soát văn bản QPPL và xử lý văn bản sau rà soát.	Hội nghị tập huấn	Sở Tư pháp	Các Sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND cấp xã	Quý II/2026	

TT	1- Mục tiêu/Chỉ tiêu	2- Nhiệm vụ	3- Hoạt động	4- Kết quả, sản phẩm	5- Chủ trì	6- Phối hợp	7- Thời gian hoàn thành	8- Kinh phí
	quy định của văn bản cấp trên ban hành.		3.37. Thực hiện rà soát văn bản QPPL của HĐND, UBND tỉnh thuộc lĩnh vực quản lý của cơ quan, đơn vị.	Báo cáo kết quả rà soát; Văn bản xử lý sau rà soát	Sở, ban, ngành cấp tỉnh	Sở Tư pháp	Thường xuyên	
			3.38. Theo dõi, đôn đốc việc tham mưu sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế văn bản QPPL của các cơ quan, đơn vị sau khi thực hiện rà soát.	Báo cáo; Văn bản đôn đốc	Sở Tư pháp	Các Sở, ban, ngành cấp tỉnh có liên quan	Thường xuyên	
4	1.11. 100% cán bộ, công chức làm công tác xây dựng văn bản QPPL tại các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh được tập huấn, bồi dưỡng, trang bị kiến	2.20. Nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác xây dựng văn bản QPPL trên địa	3.39. Tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên sâu về kiến thức, kỹ năng về xây dựng văn bản QPPL.	Hội nghị tập huấn, lớp bồi dưỡng	Sở Tư pháp	Các Sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND cấp xã	Quý II/2026	

TT	1- Mục tiêu/Chỉ tiêu	2- Nhiệm vụ	3- Hoạt động	4- Kết quả, sản phẩm	5- Chủ trì	6- Phối hợp	7- Thời gian hoàn thành	8- Kinh phí
	thức, kỹ năng chuyên sâu về công tác này.	bàn tỉnh.	3.40. Xây dựng, xuất bản tài liệu hướng dẫn nghiệp vụ về xây dựng văn bản QPPL.	Tài liệu	Sở Tư pháp	Các Sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND cấp xã	Quý III/2026	
5	1.12. 100% Quyết định của UBND tỉnh ban hành được tự kiểm tra kịp thời theo quy định.	2.21. Thực hiện kiểm tra, tự kiểm tra văn bản QPPL.	3.41. Thực hiện công tác kiểm tra, tự kiểm tra văn bản QPPL.	Văn bản hướng dẫn; Báo cáo kết quả kiểm tra	Sở Tư pháp	Sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND cấp xã	Thường xuyên	
			3.42. Xử lý văn bản QPPL trái pháp luật đúng quy định.	Văn bản xử lý	Sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND cấp xã	Sở Tư pháp	Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được kết luận kiểm tra về văn bản trái pháp luật	
6	1.13. Phấn đấu 100% kiến nghị sau theo dõi	2.22. Xử lý kết quả thu thập thông tin về	3.43. Tham mưu xử lý hoặc kiến	Văn bản xử lý kiến	Sở, ban, ngành cấp	Sở Tư pháp	Thường xuyên	

TT	1- Mục tiêu/Chỉ tiêu	2- Nhiệm vụ	3- Hoạt động	4- Kết quả, sản phẩm	5- Chủ trì	6- Phối hợp	7- Thời gian hoàn thành	8- Kinh phí
	tình hình thi hành pháp luật được cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận, xử lý hoặc phản hồi đầy đủ.	thi hành văn bản quy phạm pháp luật.	nghey cơ quan có thẩm quyền xử lý kết quả thu thập thông tin về thi hành văn bản QPPL.	nghey	tỉnh; UBND cấp xã			
7	1.14. 100% văn bản QPPL của Trung ương, của tỉnh được tổ chức thực hiện kịp thời, hiệu quả.	2.23. Kiểm tra công tác TĐTHPL và tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh.	3.44. Thành lập Đoàn kiểm tra liên ngành.	- Thành lập đoàn kiểm tra; - Thực hiện kiểm tra tại các cơ quan đơn vị, địa phương.	Sở Tư pháp	Sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND cấp xã	Tháng 10/2026	
		2.24. Tổ chức thực hiện kịp thời các văn bản QPPL.	3.45. Triển khai kịp thời các văn bản QPPL của Trung ương và địa phương thuộc lĩnh vực mình.	Tổ chức hội nghị triển khai hoặc Công văn	Sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND cấp xã	Sở Tư pháp	Ngay sau khi ban hành văn bản QPPL	

TT	1- Mục tiêu/Chỉ tiêu	2- Nhiệm vụ	3- Hoạt động	4- Kết quả, sản phẩm	5- Chủ trì	6- Phối hợp	7- Thời gian hoàn thành	8- Kinh phí
		2.25. Xử lý kết quả thu thập thông tin về thi hành văn bản QPPL.	3.46. Tham mưu xử lý hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý kết quả thu thập thông tin về thi hành văn bản quy phạm pháp luật.	Văn bản xử lý kiến nghị	Sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND cấp xã	Sở Tư pháp	Thường xuyên	
III	CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH							
1	1.15. Ban hành Kế hoạch hoạt động kiểm soát TTHC và thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông	2.26. Xây dựng dự thảo ban hành Kế hoạch	3.47. Lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan; trình UBND tỉnh ban hành.	Kế hoạch kèm theo	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Quý I/2025	

TT	1- Mục tiêu/Chỉ tiêu	2- Nhiệm vụ	3- Hoạt động	4- Kết quả, sản phẩm	5- Chủ trì	6- Phối hợp	7- Thời gian hoàn thành	8- Kinh phí
2	1.16. Thực hiện quy trình đánh giá tác động đối với dự thảo văn bản QPPL có quy định về TTHC	2.27. Xây dựng dự thảo Nghị quyết HĐND hoặc Quyết định UBND có quy định TTHC	3.48. Triển khai đánh giá tác động, tính toán chi phí tuân thủ TTHC; lấy ý kiến Văn phòng UBND tỉnh về TTHC.	Biểu mẫu đánh giá tác động TTHC, Văn bản cho ý kiến về TTHC	Sở, ban, ngành	Văn phòng UBND tỉnh	Thường xuyên	
3	1.17. 100% TTHC theo Nghị định số 63/2010/NĐ-CP, TTHC nội bộ trong hệ thống cơ quan hành chính nhà nước; TTHC phi địa giới trong phạm vi cấp tỉnh được công bố và công khai trên cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC	2.28. Xây dựng dự thảo Quyết định công bố	3.49. Sau khi Bộ ban hành Quyết định TTHC các Sở, ban, ngành dự thảo Quyết định ban hành Danh mục TTHC trình UBND tỉnh ký ban hành Quyết định, cập nhật, đăng tải TTHC vào cơ sở dữ liệu quốc gia đồng thời xây dựng Quy trình nội bộ TTHC lấy ý kiến Sở KH&CN hoàn thiện trình UBND tỉnh phê duyệt	Quyết định công bố TTHC	Sở, ban, ngành	Văn phòng UBND tỉnh, Sở KH&CN	Thường xuyên	100 triệu

TT	1- Mục tiêu/Chỉ tiêu	2- Nhiệm vụ	3- Hoạt động	4- Kết quả, sản phẩm	5- Chủ trì	6- Phối hợp	7- Thời gian hoàn thành	8- Kinh phí
4	1.18. Tiếp tục triển khai thực hiện số hóa kết quả giải quyết TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của sở, ban, ngành, UBND cấp xã đạt tỷ lệ 100% số hồ sơ tiếp nhận và kết quả giải quyết TTHC	2.29. Nâng cao tỷ lệ số hóa kết quả giải quyết TTHC đang còn hiệu lực và có giá trị sử dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của sở, ban, ngành, UBND cấp xã	3.50. Tổ chức triển khai quy trình số hóa hồ sơ, giấy tờ, kết quả giải quyết TTHC tại Bộ phận Một cửa các cấp 3.51. Theo dõi, cập nhật tình hình và tổ chức thực hiện kế hoạch số hóa kết quả giải quyết TTHC	Tỷ lệ số hóa theo quy định	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Văn phòng UBND tỉnh	Thường xuyên	

TT	1- Mục tiêu/Chỉ tiêu	2- Nhiệm vụ	3- Hoạt động	4- Kết quả, sản phẩm	5- Chủ trì	6- Phối hợp	7- Thời gian hoàn thành	8- Kinh phí
5	1.19. Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được triển khai dịch vụ công trực tuyến toàn trình được tích hợp trên Cổng dịch vụ công quốc gia đạt 100%. 1.20 Tỷ lệ nộp hồ sơ trực tuyến toàn trình đạt 70%.	2.30. Đẩy mạnh cung cấp DVC trực tuyến toàn trình, một phần trên Cổng DVC Quốc gia để đồng bộ về Cổng dịch vụ công của tỉnh 2.31. Nâng cao tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình	3.52. Thực hiện rà soát, đánh giá TTHC để cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, một phần thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan, đơn vị, địa phương 3.53. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền bằng nhiều hình thức khác nhau; tập huấn về kiến thức, kỹ năng ứng dụng CNTT, chuyển đổi số cho cán bộ công chức, viên chức trong cơ quan nhà nước và người dân, doanh nghiệp	- Báo cáo rà soát; - Quyết định - Tích hợp, cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên Cổng DVC quốc gia - Số hồ sơ giải quyết trực tuyến toàn trình, một phần; - Giao diện phần mềm DVC đạt yêu cầu.				

TT	1- Mục tiêu/Chỉ tiêu	2- Nhiệm vụ	3- Hoạt động	4- Kết quả, sản phẩm	5- Chủ trì	6- Phối hợp	7- Thời gian hoàn thành	8- Kinh phí
6	1.21. 100% TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính, được triển khai thanh toán trực tuyến; trong số đó, tỷ lệ giao dịch thanh toán trực tuyến đạt tối thiểu 75%	2.32. Đẩy mạnh giao dịch thanh toán trực tuyến đối với các TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính	3.54. Triển khai các giải pháp kỹ thuật để hỗ trợ thanh toán trực tuyến trong phần mềm dịch vụ công 3.55. Rà soát, thống kê số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính, từ đó đề xuất số TTHC triển khai thanh toán trực tuyến và giao dịch trực tuyến	- Giải pháp kỹ thuật đáp ứng giao dịch và thanh toán trực tuyến - Biểu mẫu rà soát thống kê - Số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính, được triển khai giao dịch thanh toán trực tuyến				
7	1.22. Mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp về giải quyết TTHC đạt từ 95% trở lên.	2.33. Nâng cao mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp về giải quyết TTHC	3.56. Nâng cao hiệu quả hoạt động của Trung tâm Phục vụ hành chính công các cấp; nâng cao năng lực của công chức tiếp nhận và trả kết quả tại Bộ phận	Báo cáo; (Đề án/ Kế hoạch); Quyết định; Công văn; Các lớp tập huấn	Sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND xã, phường	Văn phòng UBND tỉnh	Thường xuyên	

TT	1- Mục tiêu/Chỉ tiêu	2- Nhiệm vụ	3- Hoạt động	4- Kết quả, sản phẩm	5- Chủ trì	6- Phối hợp	7- Thời gian hoàn thành	8- Kinh phí
			Một cửa các cấp 3.57. Triển khai, áp dụng các sáng kiến CCHC, mô hình CCHC có hiệu quả trong giải quyết TTHC của các ngành, các lĩnh vực trên toàn tỉnh 3.58. Tổ chức các lớp tập huấn liên quan đến nhiệm vụ kiểm soát TTHC, thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông, kỹ năng, nghiệp vụ cho công chức tại Bộ phận một cửa các cấp					

TT	1- Mục tiêu/Chỉ tiêu	2- Nhiệm vụ	3- Hoạt động	4- Kết quả, sản phẩm	5- Chủ trì	6- Phối hợp	7- Thời gian hoàn thành	8- Kinh phí
8	1.23. Tăng cường công tác kiểm tra đột xuất, định kỳ về việc giải quyết TTHC của các cơ quan, đơn vị, địa phương	2.34. Tổ chức kiểm tra việc thực hiện kiểm tra hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công trực tuyến, thanh toán trực tuyến và thực hiện ý kiến chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh	3.59. Xây dựng kế hoạch, thông báo lịch kiểm tra	Kế hoạch, thông báo, biên bản kiểm tra	Văn phòng UBND tỉnh; Tổ công tác theo Quyết định số 2088/QĐ-UBND ngày 14/5/2021 của UBND tỉnh	Các sở, ngành cấp tỉnh; UBND cấp xã	Thường xuyên	
IV	CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY							
1	1.24. Hoàn thành việc kiện toàn, sắp xếp các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quản lý của UBND tỉnh theo chủ trương, chỉ đạo của Trung	2.35. Cho ý kiến, thẩm định đề án kiện sắp xếp, kiện cơ cấu tổ chức của các đơn vị sự nghiệp công lập sau khi các cơ quan, đơn vị, địa phương (cơ quan chủ quản)	3.60. Thực hiện thẩm định đề án kiện sắp xếp, kiện cơ cấu tổ chức của các đơn vị sự nghiệp công lập	Văn bản cho ý kiến/ Văn bản trình cấp có thẩm quyền thành lập, kiện toàn, quy định cơ cấu tổ chức của	Sở Nội vụ cho ý kiến/ trình cấp có thẩm quyền kiện toàn, quy định cơ cấu tổ chức của các đơn vị	Sở Nội vụ, sở, ban ngành có liên quan	Theo lộ trình đề án được phê duyệt hoặc chủ trương, chỉ đạo của cấp có thẩm quyền	

TT	1- Mục tiêu/Chỉ tiêu	2- Nhiệm vụ	3- Hoạt động	4- Kết quả, sản phẩm	5- Chủ trì	6- Phối hợp	7- Thời gian hoàn thành	8- Kinh phí
	ương và của tỉnh.	trình Đề án sắp xếp, kiện toàn cơ cấu tổ chức của đơn vị sự nghiệp công lập		đơn vị.	sự nghiệp công lập sau khi các cơ quan, đơn vị, địa phương (cơ quan chủ quản) trình Đề án sắp xếp, kiện toàn cơ cấu tổ chức của đơn vị sự nghiệp			
2	1.25. Phân đầu thực hiện đảm bảo lộ trình tinh giản biên chế của Trung ương	2.36. Quản lý, sử dụng hiệu quả số biên chế công chức, viên chức được giao.		Văn bản tham mưu cấp có thẩm quyền giao biên chế Văn bản đôn đốc/hướng dẫn	Sở Nội vụ	Địa phương, sở, ban ngành có liên quan	Theo lộ trình được cấp có thẩm quyền quy định	
V	CẢI CÁCH CHẾ ĐỘ CÔNG VỤ							

TT	1- Mục tiêu/Chỉ tiêu	2- Nhiệm vụ	3- Hoạt động	4- Kết quả, sản phẩm	5- Chủ trì	6- Phối hợp	7- Thời gian hoàn thành	8- Kinh phí
1	1.26. Phân đầu 50% cán bộ, công chức dưới 40 tuổi (lãnh đạo, quản lý cấp sở, ngành, UBND cấp xã) giao tiếp được với người nước ngoài bằng Tiếng Anh hoặc ngoại ngữ thông dụng khác	2.37. Tuyên truyền, khuyến khích, hỗ trợ theo chính sách đào tạo, bồi dưỡng của tỉnh; tập trung vào bồi dưỡng ngoại ngữ, kiến thức hội nhập quốc tế; cử cán bộ trẻ trong diện quy hoạch đi đào tạo sau đại học ở nước ngoài theo những ngành tỉnh cần.	3.61. Xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng phù hợp với yêu cầu thực tiễn cho CBCCVC;	Kế hoạch	Sở Nội vụ	Các Sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Quý I/2026	
			3.62. Phối hợp mở lớp tập huấn, đào tạo, bồi dưỡng thực hiện tốt, đồng bộ công tác đào tạo bồi dưỡng ngoại ngữ, kiến thức hội nhập quốc tế theo kế hoạch của tỉnh	Mở lớp tập huấn, bồi dưỡng theo kế hoạch	Sở Nội vụ	Các Sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Năm 2026	

TT	1- Mục tiêu/Chỉ tiêu	2- Nhiệm vụ	3- Hoạt động	4- Kết quả, sản phẩm	5- Chủ trì	6- Phối hợp	7- Thời gian hoàn thành	8- Kinh phí
			3.63. Thực hiện các quy trình tuyển dụng, tiếp nhận; thu hút nhân lực chất lượng cao vào những vị trí việc làm yêu cầu thành thạo ngoại ngữ (theo Nghị định số 179/2024/NĐ-CP và chính sách của tỉnh)	Thu hút, tuyển dụng, tiếp nhận nhân lực chất lượng cao theo nhu cầu, yêu cầu vị trí việc làm	Sở Nội vụ	Các Sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Năm 2026	
2	1.27. Năm 2026 thu hút nhân tài vào làm việc trong các cơ quan, đơn vị thuộc UBND tỉnh khoảng 02% so với tổng số tuyển dụng mới	2.38. Phê duyệt chỉ tiêu tuyển dụng công chức theo Nghị định số 179/2024/NĐ-CP	3.64. Triển khai rà soát nhu cầu tuyển dụng theo Nghị định số 179/2024/NĐ-CP	Công văn	Sở Nội vụ	Các sở, ban ngành; UBND cấp xã; đơn vị sự nghiệp	Năm 2026	

TT	1- Mục tiêu/Chỉ tiêu	2- Nhiệm vụ	3- Hoạt động	4- Kết quả, sản phẩm	5- Chủ trì	6- Phối hợp	7- Thời gian hoàn thành	8- Kinh phí
			3.65 Tổng hợp nhu cầu, đề xuất chỉ tiêu	Công văn/báo cáo	Sở Nội vụ	Các sở, ban ngành; UBND cấp xã; đơn vị sự nghiệp	Năm 2026	
			3.66. Phê duyệt chỉ tiêu tuyển dụng công chức theo Nghị định số 179/2024/NĐ-CP	Quyết định	UBND tỉnh	Các sở, ban ngành; UBND cấp xã; đơn vị sự nghiệp	Năm 2026	
		2.39. Tổ chức tuyển dụng theo quy định	3.67. Triển khai rà soát nhu cầu tuyển dụng theo Nghị định số 179/2024/NĐ-CP	Công văn	Sở Nội vụ	Các sở, ban ngành; UBND cấp xã; đơn vị sự nghiệp	Năm 2026	
			3.68. Tổng hợp nhu cầu, đề xuất chỉ tiêu	Công văn/báo cáo	Sở Nội vụ		Năm 2026	
			3.69. Phê duyệt chỉ tiêu tuyển dụng công chức theo Nghị định số 179/2024/NĐ-CP	Quyết định	UBND tỉnh		Năm 2026	

TT	1- Mục tiêu/Chỉ tiêu	2- Nhiệm vụ	3- Hoạt động	4- Kết quả, sản phẩm	5- Chủ trì	6- Phối hợp	7- Thời gian hoàn thành	8- Kinh phí
VI	CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG							
1	1.28. Thực hiện giải ngân kế hoạch đầu tư vốn NSNN; vốn thực hiện các đề án, chính sách, Chương trình MTQG	2.40. Hướng dẫn, đôn đốc, báo cáo	3.70. Văn bản hướng dẫn, đôn đốc, báo cáo	Công văn	Các sở, ngành, đơn vị, UBND cấp xã (cơ quan được giao quản lý, sử dụng vốn NSNN)	Các sở, ngành, đơn vị, UBND cấp xã	Năm 2026	
	1.29. Thực hiện các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách.	2.41. Đôn đốc, báo cáo	3.71. Văn bản đôn đốc, báo cáo	Công văn	Sở Tài chính	Các sở, ngành, đơn vị, UBND cấp xã	Năm 2026	
2	1.30. Ban hành quy chế quản lý, sử dụng tài sản công của các cơ quan, đơn vị	2.42. Hướng dẫn, đôn đốc	3.72. Văn bản hướng dẫn, đôn đốc	Công văn	Sở Tài chính	Các sở, ngành, đơn vị, UBND cấp xã	Năm 2026	

TT	1- Mục tiêu/Chỉ tiêu	2- Nhiệm vụ	3- Hoạt động	4- Kết quả, sản phẩm	5- Chủ trì	6- Phối hợp	7- Thời gian hoàn thành	8- Kinh phí
	1.31. Tỷ lệ sắp xếp lại nhà, đất thuộc thẩm quyền quản lý đạt trên 85%	2.43. Hướng dẫn, đơn đốc các cơ quan, đơn vị điều chỉnh phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất (nếu có) 2.44. Hướng dẫn, đơn đốc các cơ quan, đơn vị thực hiện phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất đã được phê duyệt	3.73. Văn bản hướng dẫn, đơn đốc 3.74. Văn bản hướng dẫn, đơn đốc	Công văn Công văn	Sở Tài chính Sở Tài chính	Các sở, ngành, đơn vị, UBND cấp xã Các sở, ngành, đơn vị, UBND cấp xã	Năm 2026 Năm 2025	
3	1.32. 100% đơn vị sự nghiệp công lập được giao quyền tự chủ tài chính theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP, Nghị định số 111/2025/NĐ-CP	2.45. Tập huấn cho các đơn vị sự nghiệp công lập. 2.46. Cho ý kiến về giao quyền tự chủ tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập	3.75. Tổ chức tập huấn. 3.76. Nghiên cứu phương án tự chủ tài chính của đơn vị; ban hành văn bản cho ý kiến	Giấy mời Văn bản	5.1. Trung tâm Tư vấn dịch vụ tài chính 5.2. Sở Tài chính (đối với các đơn vị SNCL thuộc cấp	Các sở, ngành, đơn vị, UBND cấp xã	Năm 2026	

TT	1- Mục tiêu/Chỉ tiêu	2- Nhiệm vụ	3- Hoạt động	4- Kết quả, sản phẩm	5- Chủ trì	6- Phối hợp	7- Thời gian hoàn thành	8- Kinh phí
					tỉnh); UBND cấp xã			
	1.33 Ban hành, sửa đổi, bổ sung danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước; định mức kinh tế - kỹ thuật, giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý tại địa phương theo quy định.	2.47. Xây dựng danh mục dịch vụ sự nghiệp công; định mức kinh tế - kỹ thuật, giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý tại địa phương theo quy định.	3.77. Rà soát, tham mưu xây dựng danh mục dịch vụ sự nghiệp; định mức kinh tế - kỹ thuật, giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý tại địa phương theo quy định.	Quyết định	Các sở, ngành, đơn vị có đơn vị được cơ quan có thẩm quyền (HĐND hoặc UBND tỉnh) ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng NSNN.	Các sở, ngành, đơn vị, UBND cấp xã	Năm 2026	
	1.34. Số đơn vị SNCL tăng mức độ (tỷ lệ) tự chủ tài chính	2.48. Thẩm định dự toán thu, chi thường xuyên năm đầu thời	3.78. Nghiên cứu phương án của đơn vị, ban hành	Văn bản	Sở Tài chính (đối với	Các sở, ngành, đơn vị, UBND	Năm 2026	

TT	1- Mục tiêu/Chỉ tiêu	2- Nhiệm vụ	3- Hoạt động	4- Kết quả, sản phẩm	5- Chủ trì	6- Phối hợp	7- Thời gian hoàn thành	8- Kinh phí
		kỳ ổn định và xác định mức hỗ trợ chi thường xuyên từ nguồn NSNN.	văn bản cho ý kiến. 3.79. Tham mưu cấp có thẩm quyền điều chỉnh mức độ tự chủ của các đơn vị SNCL		các đơn vị SNCL thuộc cấp tỉnh); UBND cấp xã	cấp xã		
	1.35. Giảm chi hỗ trợ trực tiếp từ ngân sách nhà nước đối với các đơn vị sự nghiệp công lập nhóm 3 theo quy định	2.49. Thẩm định dự toán thu, chi thường xuyên năm đầu thời kỳ ổn định và xác định mức hỗ trợ chi thường xuyên từ nguồn NSNN. SNCL	3.80. Nghiên cứu phương án của đơn vị, ban hành văn bản cho ý kiến. 3.81. Tham mưu cấp có thẩm quyền điều chỉnh giảm dự toán của các đơn vị SNCL.	Văn bản	Sở Tài chính (đối với các đơn vị SNCL thuộc cấp tỉnh); UBND cấp xã	Các sở, ngành, đơn vị, UBND cấp xã	Năm 2026	
VII	XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN CHÍNH QUYỀN ĐIỆN TỬ, CHÍNH QUYỀN SỐ VÀ ISO 9001							
7.1	Chính quyền số							
1	1.36. Phát triển hạ tầng dữ liệu số đồng bộ, làm nền tảng cho chính	2.50. Xây dựng Kho dữ liệu dùng chung của tỉnh (DataHub),	3.81. Xây dựng Kho dữ liệu dùng chung của tỉnh	Hình thành Kho dữ liệu dùng chung	Sở KHCN	Các cơ quan liên quan	2026	Theo Kế hoạch

TT	1- Mục tiêu/Chỉ tiêu	2- Nhiệm vụ	3- Hoạt động	4- Kết quả, sản phẩm	5- Chủ trì	6- Phối hợp	7- Thời gian hoàn thành	8- Kinh phí
	quyền số, kinh tế số, xã hội số và các ứng dụng AI, bảo đảm “đúng-đủ-sạch-sống-thống nhất-dùng chung”; phục vụ người dân, doanh nghiệp một lần khai báo được sử dụng trọn đời, tạo điều kiện thuận lợi thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội	các cơ sở dữ liệu chuyên ngành	(DataHub), các cơ sở dữ liệu chuyên ngành đảm bảo phát triển hạ tầng dữ liệu số đồng bộ, làm nền tảng cho chính quyền số, kinh tế số, xã hội số và các ứng dụng AI, bảo đảm “đúng-đủ-sạch-sống-thống nhất-dùng chung”; phục vụ người dân, doanh nghiệp một lần khai báo được sử dụng trọn đời, tạo điều kiện thuận lợi thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội	của tỉnh				ngân sách của tỉnh
		2.51. Hợp tác với Thành phố Huế triển khai các nhiệm vụ về chuyển đổi số	3.82. Hợp tác với Thành phố Huế triển khai các nhiệm vụ về chuyển đổi số	Trung tâm IOC Hà Tĩnh; ứng dụng công dân	Sở KHCN	Các cơ quan liên quan	2026	Theo Kế hoạch ngân sách

TT	1- Mục tiêu/Chỉ tiêu	2- Nhiệm vụ	3- Hoạt động	4- Kết quả, sản phẩm	5- Chủ trì	6- Phối hợp	7- Thời gian hoàn thành	8- Kinh phí
			trên cơ sở thế mạnh của 2 tỉnh: Đầu tư hạ tầng; Kho dữ liệu dùng chung và hệ thống dữ liệu các ngành, lĩnh vực; Trung tâm IOC Hà Tĩnh; công tác an toàn, bảo mật dữ liệu; ứng dụng công dân số (tích hợp nền tảng phản ánh hiện trường)	số (tích hợp nền tảng phản ánh hiện trường); Kho dữ liệu dùng chung và hệ thống dữ liệu các ngành, lĩnh vực				của tỉnh

TT	1- Mục tiêu/Chỉ tiêu	2- Nhiệm vụ	3- Hoạt động	4- Kết quả, sản phẩm	5- Chủ trì	6- Phối hợp	7- Thời gian hoàn thành	8- Kinh phí
2	1.37. Hoàn thiện hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến đến 69/69 xã, phường và các cơ quan liên quan	2.52. Xây dựng hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến	3.83. Xây dựng hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến theo hình thức thuê nền tảng và đầu tư thiết bị chuyên dùng 2 chiều, đảm bảo thông nhất về tiêu chuẩn, chủng loại và khả năng tương thích của thiết bị hội nghị truyền hình trực tuyến tại cấp xã với hệ thống hội nghị truyền hình chung của tỉnh	Hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến đến 69/69 xã, phường và các cơ quan liên quan	Văn phòng UBND tỉnh, UBND cấp xã	Các cơ quan liên quan	2026	Theo Kế hoạch ngân sách của tỉnh

TT	1- Mục tiêu/Chỉ tiêu	2- Nhiệm vụ	3- Hoạt động	4- Kết quả, sản phẩm	5- Chủ trì	6- Phối hợp	7- Thời gian hoàn thành	8- Kinh phí
3	1.38. Triển khai Trợ lý ảo trong cơ quan nhà nước để hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức nâng cao hiệu quả và năng suất lao động	2.53. Triển khai Trợ lý ảo trong cơ quan nhà nước	3.84. Triển khai Trợ lý ảo trong cơ quan nhà nước	Triển khai Trợ lý ảo hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan nhà nước	Sở Khoa học và Công nghệ	Các cơ quan liên quan	2026	Theo Kế hoạch ngân sách của tỉnh
4	1.39. Hoàn thành 10 nhóm nhiệm vụ về chuyển đổi số theo tư vấn, định hướng của các chuyên gia	2.54. Tập trung triển khai 10 nhóm nhiệm vụ theo tư vấn, định hướng của các chuyên gia và chỉ đạo của UBND tỉnh tại Văn bản số 8048/UBND-VX1 ngày 20/10/2025	3.85. Tập trung triển khai 10 nhóm nhiệm vụ theo tư vấn, định hướng của các chuyên gia và chỉ đạo của UBND tỉnh tại Văn bản số 8048/UBND-VX1 ngày 20/10/2025	Hoàn thành các nhiệm vụ được giao tại Văn bản số 8048/UBND-VX1	Các cơ quan được giao chủ trì	Sở KH-CN, các cơ quan liên quan	2026	Theo Kế hoạch ngân sách của tỉnh

TT	1- Mục tiêu/Chỉ tiêu	2- Nhiệm vụ	3- Hoạt động	4- Kết quả, sản phẩm	5- Chủ trì	6- Phối hợp	7- Thời gian hoàn thành	8- Kinh phí
5		2.55. Tổ chức tập huấn, phổ biến kiến thức về chuyển đổi số cho đội ngũ cán bộ nòng cốt và đội ngũ cán bộ phụ trách về chuyển đổi số	3.86. Tổ chức tập huấn, phổ biến kiến thức về chuyển đổi số cho đội ngũ cán bộ nòng cốt và đội ngũ cán bộ phụ trách về chuyển đổi số	Lớp tập huấn	Sở Khoa học và Công nghệ	Các cơ quan liên quan	2026	Theo Kế hoạch ngân sách của tỉnh
		2.56. Tiếp tục triển khai đào tạo các khoá học trực tuyến về chuyển đổi số trên nền tảng số quốc gia, nền tảng số của tỉnh (MobiEdu) cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và người dân	3.87. Tiếp tục triển khai đào tạo các khoá học trực tuyến về chuyển đổi số trên nền tảng số quốc gia, nền tảng số của tỉnh (MobiEdu) cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và người dân	Lớp tập huấn	Sở Khoa học và Công nghệ	Các cơ quan liên quan	2026	Theo Kế hoạch ngân sách của tỉnh

TT	1- Mục tiêu/Chỉ tiêu	2- Nhiệm vụ	3- Hoạt động	4- Kết quả, sản phẩm	5- Chủ trì	6- Phối hợp	7- Thời gian hoàn thành	8- Kinh phí
		2.57. Tổ chức các lớp đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực về chuyển đổi số cho người dân, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh	3.88. Tổ chức các lớp đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực về chuyển đổi số cho người dân, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh	Lớp tập huấn	Sở Sở Khoa học và Công nghệ, các sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Các cơ quan liên quan	2026	Theo Kế hoạch ngân sách của đơn vị
7.2	Áp dụng ISO 9001:2015							
1	1.40. 100% cơ quan, đơn vị duy trì, cải tiến hệ thống đáp ứng yêu cầu TCVN ISO 9001:2015.	2.58. Duy trì và cải tiến hệ thống tại các cơ quan, đơn vị đáp ứng yêu cầu tiêu chuẩn	3.89. Áp dụng hệ thống theo các điều khoản tiêu chuẩn, thực hiện theo các quy trình, hướng dẫn, quy định.	Cơ quan, đơn vị có liên quan duy trì, cải tiến hệ thống đáp ứng yêu cầu	Các cơ quan, đơn vị áp dụng	Sở Khoa học và Công nghệ.	Quý I-IV năm 2026	Theo dự toán được cấp

TT	1- Mục tiêu/Chỉ tiêu	2- Nhiệm vụ	3- Hoạt động	4- Kết quả, sản phẩm	5- Chủ trì	6- Phối hợp	7- Thời gian hoàn thành	8- Kinh phí
2	1.41. Xây dựng mở rộng và hoàn thiện hệ thống quản lý chất lượng tại 20 UBND cấp xã đáp ứng phù hợp theo chính quyền địa phương hai cấp.	2.59. Tổ chức rà soát, đánh giá hiệu quả áp dụng Hệ thống quản lý, triển khai xây dựng, áp dụng mở rộng và hoàn thiện hệ thống tại một số UBND cấp xã, đặc biệt chú trọng xây dựng và áp dụng quy trình nội bộ thực hiện điều hành tác nghiệp và giải quyết nhiệm vụ chuyên môn.	3.90. Thực hiện rà soát chuẩn hóa lại hệ thống đồng thời xây dựng mở rộng và hoàn thiện hệ thống áp dụng đối với các hoạt động nội bộ thực hiện điều hành tác nghiệp và giải quyết nhiệm vụ chuyên môn của UBND cấp xã	20 UBND cấp xã hoàn thành xây dựng mở rộng hệ thống	Sở Khoa học và Công nghệ	UBND cấp xã thực hiện mở rộng hệ thống; Đơn vị tư vấn	Quý I-IV năm 2026	Theo dự toán được cấp
3	1.42. 100% dự thảo Quyết định phê duyệt quy trình nội bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của các Sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND cấp xã do UBND tỉnh ban hành được soát xét, kiểm tra đáp ứng yêu cầu	2.60. Soát xét, kiểm tra các dự thảo Quyết định phê duyệt quy trình nội bộ TTHC theo đúng các quy định của pháp luật có liên quan, các quy trình được xây dựng theo hướng	3.91. Thực hiện việc kiểm tra, soát xét các dự thảo Quyết định phê duyệt Quy trình nội bộ TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của các Sở, ban, ngành,	Quyết định công bố danh mục và quy trình nội bộ thủ tục hành chính của UBND tỉnh.	Sở Khoa học và Công nghệ	Văn phòng UBND tỉnh; Các Sở, ban, ngành liên quan.	Quý I-IV năm 2026	Theo dự toán được cấp

TT	1- Mục tiêu/Chỉ tiêu	2- Nhiệm vụ	3- Hoạt động	4- Kết quả, sản phẩm	5- Chủ trì	6- Phối hợp	7- Thời gian hoàn thành	8- Kinh phí
		tối ưu hoá về trình tự thực hiện đảm bảo đơn giản, dễ hiểu, dễ thực hiện.	UBND cấp xã trước khi trình UBND tỉnh công bố.					
4	1.43. 25% tổng số các cơ quan, đơn vị áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001:2015 được kiểm tra, đánh giá trong năm	2.61. Thực hiện kiểm tra, đánh giá việc xây dựng và áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng TCVN ISO 9001:2015 tại các cơ quan, đơn vị theo yêu cầu của tiêu chuẩn và các quy định liên quan khác.	3.92. Thực hiện việc kiểm tra, đánh giá tại các cơ quan, đơn vị đã xây dựng, áp dụng hệ thống.	Kiểm tra tại 90 cơ quan, đơn vị	Sở Khoa học và Công nghệ (chủ trì, phối hợp kiểm tra)	Các cơ quan, đơn vị	Quý II-IV năm 2026	Theo dự toán được cấp
5	1.44. Tổ chức 02 cuộc tập huấn nâng cao nhận thức và 02 cuộc đào tạo nghiệp vụ kiểm tra, đánh giá về hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001:2005	2.62. Tổ chức các cuộc tập huấn, đào tạo nghiệp vụ kiểm tra, đánh giá về Hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001:2015	3.93. Tổ chức các lớp tập huấn và các khoá đào tạo	02 cuộc tập huấn và 02 cuộc đào tạo nghiệp vụ kiểm tra, đánh giá	Sở Khoa học và Công nghệ	Các cơ quan, đơn vị; tổ chức đào tạo, chứng nhận hệ thống	Quý II-IV năm 2026	Theo dự toán được cấp